

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 415/CV-GNĐN ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Công ty cổ phần Gạch ngói Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3921/TTr-CCBVMT ngày 18 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Gạch ngói Đồng Nai, địa chỉ trụ sở chính tại số 119, đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường cho “Nhà máy gạch ngói Việt Đức công suất 22 triệu viên ngói/năm” tại đường ĐT747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy gạch ngói Việt Đức công suất 22 triệu viên ngói/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 155, tờ bản đồ số 59, đường ĐT747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300397028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 01 năm 2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0303397028-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 07 năm 2023.

1.4. Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 179/KHCNMT ngày 02 tháng 10 năm 2003 của Sở Khoa học – Công nghệ và Môi trường.

1.5. Mã số thuế: 0300397028

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (sản xuất gạch, ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.7.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất của nhà máy là 93.821,9 m².

1.7.2. Quy mô:

- Nhà máy thuộc dự án đầu tư nhóm B theo phân loại tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Nhà máy có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư thuộc Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.7.3. Công suất:

- Công suất sản xuất: 22 triệu viên ngói/năm (1 triệu m² ngói/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

- Công đoạn tạo hình ngói lợp: Đất sét => Đưa vào bãi, ngâm ủ => Định lượng đất sét => Nghiền xa luân => Cán thô => Cán mịn (tinh) => Silo => Thùng lường => Trộn lưới đứng => Nhào, đùn => Tạo hình galet => Ép định hình => Sấy cưỡng bức => Kiểm tra (Phun Engobe) => Kiểm tra (Phun men) => Xếp mộc lên goòng => Nung => Ra lò => Ngói thành phẩm => Kiểm tra (PLSP) => Đóng bao bì => Nhập – lưu kho => Giao hàng.

- Công đoạn tạo hình phụ kiện: Đất sét => Đưa vào bãi, ngâm ủ => Định lượng đất sét => Nghiền xa luân => Cán thô => Cán mịn (tinh) => Silo => Thùng lường => Nhào => Nhào, đùn => Tạo hình => Kiểm tra (Phun Engobe) => Kiểm tra (Phun men) => Xếp mộc lên goòng => Nung => Ra lò => Ngói thành phẩm => Kiểm tra (PLSP) => Đóng bao bì => Nhập – lưu kho => Giao hàng.

- Phế phẩm, sản phẩm lỗi được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3 Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Gạch ngói Đồng Nai được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Gạch ngói Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.5. Công ty phải ngừng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy gạch ngói Việt Đức của Công ty cổ phần Gạch ngói Đồng Nai tại Đường ĐT747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Gạch ngói Đồng Nai;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Uyên Hưng;
- Công Thông tin điện tử của STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, D.Anh5.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ 01 khu nhà vệ sinh khu vực nhà cơ điện với lưu lượng 1 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ 01 khu nhà vệ sinh gần khu vực silo với lưu lượng 1 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ 01 khu nhà vệ sinh khu vực văn phòng với lưu lượng 0,8 m³/ngày.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ 01 nhà vệ sinh phòng bảo vệ với lưu lượng 0,2 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Bà Tùng => Sông Đồng Nai (thuộc phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 điểm tại hệ thống mương thoát nước bằng bê tông cốt thép (BTCT) D1000 mm trên đường ĐT.747a rồi chảy vào Suối Bà Tùng, cuối cùng thoát vào sông Đồng Nai (đã được Sở Giao thông Vận tải chấp thuận thiết kế kỹ thuật đấu nối thoát nước mưa, thoát nước thải (đã qua xử lý) từ nhà máy gạch ngói Việt Đức vào hạ tầng thoát nước trên đường ĐT.747a tại văn bản số 2963/SGTVT-QLGT ngày 21 tháng 8 năm 2024).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.226.448; Y = 612.190 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 3 m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý => Ống nhựa đường kính D114mm => Hồ ga thoát nước thải BTCT 1.200mm x 1.300mm x 2.070mm => Mương BTCT D1000mm (trên đường ĐT.747a) => Suối Bà Tùng => Sông Đồng Nai.

- Phương thức xả thải: Bơm

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	3	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6-9		
3	COD	mg/l	81		
4	TSS	mg/l	54		
5	Amoni	mg/l	5,4		
6	BOD ₅	mg/l	32,4		
7	Tổng Nitơ	mg/l	21,6		
8	Tổng Phospho	mg/l	4,32		
9	Màu	Pt-Co	54		
10	Coliform	Vi khuẩn /100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01 – 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 04 nhà vệ sinh được thu gom bằng ống nhựa PVC D90 mm về bể tự hoại (04 bể, kích thước: 1,9m x 5m x 2m; 2,4m x 3,8m x 2m; 2,2m x 3,6m x 2m; 2,4m x 3,8m x 2m), sau đó theo đường ống nhựa PVC D60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 3 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) => Bể thu gom kết hợp điều hòa => Bể sinh học hiếu khí => Bể lắng => Bể khử trùng => Mương BTCT D1000 mm (trên đường ĐT.747a) => Suối Bà Tùng => Sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 3 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Mật ri đường, Chlorine và NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết hiệu quả và nguy cơ có thể xảy ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Đối với sự cố hư hỏng thiết bị: giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; tiến hành thay thế bằng thiết bị dự phòng như máy bơm dự phòng, bơm định lượng dự phòng.... Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại hệ thống xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý.

+ Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khóa van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về hố gom gần nhất. Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

+ Đối với công trình xử lý nước thải bị sự cố cần thời gian khắc phục: Công ty phải giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước

thải; đồng thời, nước thải sẽ được bơm về lại bể điều hòa để lưu giữ trước khi tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn; trường hợp nước thải phát sinh vượt quá khả năng lưu chứa của hệ thống, Công ty sẽ dừng hoạt động để không làm phát sinh nước thải, đảm bảo không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 tháng (bắt đầu sau 30 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể điều hòa của công trình xử lý nước thải tập trung.
- Nước thải đầu ra: Sau bể khử trùng của công trình xử lý nước thải tập trung, trước khi thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

- Thời gian đánh giá: Ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (Giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Tần suất quan trắc: Ít nhất 01 ngày/lần (Đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn ít nhất 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng ... năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:****1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:**

- Bụi từ công đoạn cán thô và cán tinh, được thu gom bằng chụp hút, bụi sau đó được thu gom về hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý.

- Bụi từ công đoạn nghiền xa luân, được thu gom bằng chụp hút, bụi sau đó được thu gom về hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:**1.2.1. Công trình xử lý khí thải số 01 (xử lý bụi từ công đoạn cán thô và cán tinh)**

- Số lượng công trình: 01 công trình

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi => Chụp hút => Hệ thống đường ống thép D300mm => Hệ thống lọc bụi túi vải => Quạt hút.

- Công suất thiết kế: 9.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý khí thải số 02 (xử lý bụi từ công đoạn nghiền xa luân)

- Số lượng công trình: 01 công trình

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi => Chụp hút => Hệ thống đường ống thép D200mm => Hệ thống lọc bụi túi vải => Quạt hút.

- Công suất thiết kế: 4.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của công trình. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của công trình xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm công trình hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm do không có phát sinh dòng thải ra môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả bụi, khí thải chưa được xử lý ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ khu vực công trình xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ khu vực máy phát điện.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ khu vực lò nung.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ khu vực lò sấy.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn từ công đoạn sơ chế, cán, nghiền.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn từ khu vực công trình xử lý khí thải số 01.
- Nguồn số 07: Tiếng ồn từ khu vực công trình xử lý khí thải số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Nguồn phát sinh	Vị trí phát sinh	Tọa độ (*)	
			X (m)	Y(m)
1	Nguồn số 01	Tiếng ồn từ khu vực công trình xử lý nước thải.	1.226.464	612.025
2	Nguồn số 02	Tiếng ồn từ khu vực máy phát điện.	1.226.496	612.002
3	Nguồn số 03	Tiếng ồn từ khu vực lò nung.	1.226.476	611.998
4	Nguồn số 04	Tiếng ồn từ khu vực lò sấy.	1.226.530	612.005
5	Nguồn số 05	Tiếng ồn từ công đoạn sơ chế, cán, nghiền.	1.226.486	611.914
6	Nguồn số 06	Tiếng ồn từ khu vực công trình xử lý khí thải số 01.	1.226.407	611.922
7	Nguồn số 07	Tiếng ồn từ khu vực công trình xử lý khí thải số 02.	1.226.443	611.930

(*): Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trang bị các nút tai cho công nhân vận hành trong khu vực có phát sinh tiếng ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như đệm đàn hồi cao su được lắp đặt giữa các máy và bộ máy làm phát sinh độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	15
2	Ắc quy chì thải	19 06 01	NH	Rắn	1,8
3	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	NH	Rắn	8,4
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	120
5	Hộp mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	KS	Rắn	1,8
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	KS	Rắn	10
7	Bao bì kim loại thải	18 01 02	KS	Rắn	10
8	Bao bì nhựa thải	18 01 03	KS	Rắn	100
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	KS	Rắn	10
TỔNG KHỐI LƯỢNG					277

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Bìa carton, giấy phế liệu	18 01 05	0,1
2	Bao bì nilong	18 01 06	0,7
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, công suất 3 m ³ /ngày.đêm	12 06 10	0,3
TỔNG KHỐI LƯỢNG			1,1

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (túi nilon, vỏ lon,...), khối lượng khoảng 65,7 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 05 thùng nhựa thể tích 60 lít có nắp đậy. Các thùng chứa được dán nhãn, mã chất thải để lưu chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa chất thải: 13 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nhà vách tôn, kết cấu nền bê tông tường bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu cao 1,5m kết hợp với tôn có chiều cao tổng là 3,4m. Nền cao hơn mặt bằng xung quanh, có rãnh chống tràn và hố thu gom; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô)... theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng phuy loại 200 lít (có nắp đậy) và bao bì mềm loại 50kg để lưu chứa chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 28,8 m².

- Kết cấu: 01 container (kích thước 12m x 2,4m x 2,6m). Bên trong có thùng

phuy loại 200 lít (có nắp đậy) và bao bì mềm loại dung tích 50kg để lưu chứa chất thải.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng rác có dung tích 40-240 lít, có nắp đậy được bố trí tại nơi phát sinh, cuối ngày sẽ tập trung về khu vực gần cổng bảo vệ để thu gom, vận chuyển.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Uyên Hưng và Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Uyên Hưng về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Uyên Hưng nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU VỀ KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải dự kiến nâng cấp, cải tạo:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) => Bể thu gom kết hợp tách dầu mỡ => Bể điều hòa => Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) => Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) => Bể lắng sinh học => Bể khử trùng => Tuyến ống HDPE D300mm => Mương BTCT D1000 mm (trên đường ĐT.747A) => Suối Bà Tùng => Sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.

2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải dự kiến lắp đặt:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (bể thu gom kết hợp tách dầu, bể điều hòa, bể chứa bùn) => Đường ống thu gom => Quạt hút => Tháp hấp phụ than hoạt tính => Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 900 m³/giờ.

3. Kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho chứa: 40 m².

- Kết cấu: nền bê tông chống thấm cao hơn mặt đường, tường bằng tôn, mái tôn, cửa ra vào khóa được.

Sau khi hoàn thành, Công ty lập hồ sơ đề nghị cấp lại hoặc cấp điều chỉnh giấy phép môi trường và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (01 máy nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu có công trình xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

6. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.